

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN QUAN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 18 - 6 - 2020  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung, vay nợ chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thu Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lăng Văn Toàn

Bà Hoàng Thị Anh

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Công Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2020 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, vay nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Phùng Văn T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***- Bị đơn:*** Chị Nông Thị T, sinh năm 1974. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

***- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng C. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tuấn N, Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện V. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Phùng Văn T trình bày:

Anh Phùng Văn T kết hôn với chị Nông Thị T từ năm 1997, được tổ chức lễ

cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 05/10/2002 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Phúc, huyện Văn Quan. Trước khi kết hôn hai bên chỉ quen biết thời gian ngắn nhưng không có tình cảm sâu sắc, được gia đình giới thiệu nên anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T tự nguyện kết hôn, chung sống với nhau, không bị lừa dối, ép buộc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng với chị Nông Thị T, anh Phùng Văn T không cảm thấy hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chỉ sống có trách nhiệm và thường xuyên cãi nhau từ những chuyện nhỏ nhặt. Từ năm 2006, sau khi sinh con thứ hai, chị Nông Thị T đi làm thuê ở Đồng Đăng, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, anh Phùng Văn T không cho nhưng chị Nông Thị T cố tình đi làm. Năm 2011, anh Phùng Văn T cũng lên Đồng Đăng vác hàng thuê cùng vợ, hai vợ chồng thuê phòng trọ chung sống nhưng vẫn thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2014, anh Phùng Văn T không làm ở Đồng Đăng nữa mà về nhà ở thôn Đông B, xã Yên Phúc làm ruộng nương. Năm 2016 thì chị Nông Thị T cũng không đi làm ở Đồng Đăng nữa mà về nhà ở, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Đầu năm 2017 thì chị Nông Thị T ra ở riêng trên mảnh ruộng của gia đình, cách nhà cũ 1km. Từ đó đến nay, anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T ly thân, mỗi người ở một nhà, anh Phùng Văn T sống cùng mẹ và con gái Phùng Thị L ở nhà cũ, chị Nông Thị T sống cùng con trai Phùng Văn Đ ở nhà mới làm.

Về con chung, anh Phùng Văn T có 02 con chung với chị Nông Thị T. Con thứ nhất tên là Phùng Văn Đ, sinh ngày 05/4/2000 đã trên 18 tuổi, đủ sức khỏe nuôi sống bản thân nên anh T không có yêu cầu gì. Con thứ hai tên là Phùng Thị L, sinh ngày 29/01/2006. Khi ly hôn, anh Phùng Văn T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Phùng Thị L và không yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về vay nợ chung, anh Phùng Văn T đứng tên chủ hộ gia đình vay vốn tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan số tiền 50.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng từ ngày 28/12/2016 đến 07/12/2021. Hiện nay còn nợ ngân hàng 50.000.000 đồng tiền gốc và số lãi phát sinh. Khi ly hôn anh Phùng Văn T tự nguyện trả toàn bộ khoản nợ gốc và lãi đối với khoản vay nêu trên, không yêu cầu chị Nông Thị T có nghĩa vụ cùng trả nợ.

Chị Nông Thị T trình bày được quen biết, tìm hiểu, kết hôn và đăng ký kết hôn với anh Phùng Văn T như anh Phùng Văn T đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng năm 2001 sau khi chị sinh con đầu là Phùng Văn Đ thì vợ chồng hay cãi vã, anh Phùng Văn T ít khi quan tâm đến vợ con. Cháu Phùng Văn Đ bị ốm phải nằm viện anh Phùng Văn T vẫn không thăm nom, chăm sóc con, để mặc chị Nông Thị T một mình chăm sóc con. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên từ năm 2006 chị Nông Thị T lên Đồng Đăng vác hàng thuê, từ năm 2011 đến 2014 thì anh T cũng lên Đồng Đăng vác hàng thuê cùng vợ. Toàn bộ số tiền đi làm được đều do anh Phùng Văn T quản lý, tuy nhiên anh Phùng Văn T thường xuyên nghi ngờ chị Nông Thị T có quan hệ ngoại tình nên theo dõi và chửi mắng vợ. Năm 2016, chị Nông Thị T về nhà sống cùng

anh Phùng Văn T ở thôn Đông B, xã Yên Phúc, vợ chồng vẫn cãi nhau, nhiều lần chị Nông Thị T đã gọi Trưởng thôn Đông B về lập biên bản nhưng chị Nông Thị T vẫn tha thứ. Đầu năm 2017 anh Phùng Văn T đuổi chị Nông Thị T ra khỏi nhà, chị Nông Thị T không đi nên anh Phùng Văn T vứt quần áo, đốt chặn màn của chị Nông Thị T. Tháng 6/2017, chị Nông Thị T được Hội phụ nữ huyện Văn Quan hỗ trợ 10.000.000 đồng để xây nhà, chị Nông Thị T vay mượn thêm anh em họ hàng rồi tự làm nhà xuống mảnh ruộng ở thôn Đ, xã Y, huyện V, hết khoảng 130.000.000 đồng. Anh Phùng Văn T không đóng góp, giúp đỡ tiền xây nhà mà còn chửi mắng, ngăn cản chị xây nhà riêng để ở. Từ lúc xây nhà xong thì chị Nông Thị T ở với con lớn là Phùng Văn Đ, còn cháu Phùng Thị L đi lại giữa hai nhà. Từ 2018 chị Nông Thị T tiếp tục đi làm thuê ở Đồng Đăng, huyện Cao Lộc để lấy tiền nuôi con và trả nợ. Chị Nông Thị T yêu cầu sống ly thân như hiện tại, không nhất trí ly hôn.

Về con chung, chị Nông Thị T trình bày có 02 con chung là cháu Phùng Văn Đ và Phùng Thị L như anh Phùng Văn T đã trình bày. Nếu phải ly hôn, chị Nông Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng Thị L và yêu cầu anh Phùng Văn T cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Phùng Thị L đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, chị Nông Thị T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về khoản nợ tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan, chị Nông Thị T trình bày không biết anh Phùng Văn T vay lúc nào nên yêu cầu anh Phùng Văn T tự trả gốc và lãi đối khoản vay nêu trên.

Đại diện Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan, ông Hoàng Tuấn N vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Phòng giao dịch ngân hàng C huyện V trình bày ngày 28/12/2016 Phòng giao dịch ngân hàng C huyện V có phê duyệt hồ sơ cho hộ gia đình anh Phùng Văn T vay 50.000.000 đồng theo chương trình hộ nghèo với mục đích sử dụng vốn vay trồng rừng hồi và tu bổ rừng hồi, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,55%/tháng. Hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/12/2021. Tính đến ngày 27/4/2020 hộ anh Phùng Văn T nợ tổng số 50.280.274 đồng gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 280.274 đồng tiền lãi. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Ngân hàng nhất trí thỏa thuận giao cho anh Phùng Văn T chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay nêu trên cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn đã ký kết.

Tòa án nhân dân huyện Văn Quan đã tiến hành xác minh tại thôn Đ, xã Y, huyện V nơi anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T cư trú sau khi kết hôn. Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2020, Trưởng thôn Đ, xã Y, huyện V cho biết anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T có đăng ký kết hôn và chung sống với nhau tại thôn Đ, xã Y, huyện V. Trong quá trình chung sống những năm gần đây đã thường xuyên mâu thuẫn cãi vã, nhiều lần thôn đã phải đến hòa giải. Từ năm 2016 đến nay hai vợ chồng đã ở riêng, gặp nhau cũng không chào hỏi, nói chuyện. Mẹ anh Phùng Văn T là bà Triệu Thị Đ cho biết hai vợ chồng anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T kết hôn và chung sống với gia đình bà Triệu Thị Đ từ năm 1997 đến nay, quá

trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, xích mích. Nay vợ chồng anh Phùng Văn T, chị Nông Thị T yêu cầu ly hôn thì do hai vợ chồng quyết định, bà Triệu Thị Đ không có ý kiến gì. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020, cháu Phùng Thị L có nguyện vọng được sống cùng bố nếu bố mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, bị đơn, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Viện kiểm sát không có đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Phùng Văn T được ly hôn với chị Nông Thị T; về con chung: giao cho anh Phùng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Thị L cho đến khi con đủ 18 tuổi, chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Phùng Văn T không yêu cầu; về tài sản chung: không xem xét giải quyết do cả hai bên đương sự đều không yêu cầu; về vay nợ chung: đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giao cho anh Phùng Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc 50.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo mã vay số 6600000709245363 ngày 28/12/2016 tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, vay nợ chung, bị đơn có nơi cư trú tại thôn Đ, xã Y, huyện V, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy anh Phùng Văn T và chị Nông Thị Thuật kết hôn với nhau từ năm 1997 và đăng ký kết hôn ngày 05/10/2002 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Phúc, huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn tự nguyện, không bị lừa dối, ép buộc. Sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng đều thừa nhận chung sống không hạnh phúc, từ năm 2001 đã phát sinh mâu thuẫn từ những điều nhỏ nhặt trong cuộc sống. Từ năm 2006 chị Nông Thị T đi làm thuê ở Đồng Đăng, anh Phùng Văn T nghi ngờ vợ ngoại tình nên thường

xuyên theo dõi vợ, cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ. Từ năm 2016 chị Phùng Thị Thuận trở về địa phương chung sống với chồng nhưng vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Phùng Văn T đã có lần đuổi vợ ra khỏi nhà, đốt chăn màn, quần áo của vợ. Đầu năm 2017, chị Nông Thị T làm nhà ra ở riêng trên mảnh ruộng của gia đình chồng tại thôn Đ, xã Y, huyện V, cách nhà cũ khoảng 1km và sống cùng con trai lớn là Phùng Văn Đ. Toàn bộ số tiền xây nhà đều do chị Nông Thị T được hỗ trợ từ quỹ của Hội phụ nữ 10.000.000 đồng và vay mượn anh em, họ hàng, anh Phùng Văn T không đi lại, thăm nom, không đóng góp và không giúp đỡ gì. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không đi lại, hỏi han nhau, không quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phùng Văn T.

[4] Về con chung, anh Phùng Văn T và chị Nông Thị T có 02 con chung. Con thứ nhất tên là Phùng Văn Đ, sinh ngày 05/4/2000 đã trên 18 tuổi, đủ sức lao động để tự nuôi sống bản thân nên cả nguyên đơn, bị đơn đều không có ý kiến gì. Con thứ hai tên là Phùng Thị L, sinh ngày 29/01/2006, nguyên đơn bị đơn đều yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phùng Thị L cho đến khi đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay cháu Phùng Thị L vẫn sinh sống tại nhà của anh Phùng Văn T và được nuôi dưỡng, chăm sóc, cho đi học đầy đủ. Từ 2017 đến nay sau khi xây nhà xong thì chị Nông Thị T lại tiếp tục đi làm thuê ở Đồng Đăng để trả nợ xây nhà, có công việc thì mới về địa phương nên không có điều kiện chăm sóc cháu Phùng Thị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phùng Thị L cho anh Phùng Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với điều kiện thực tế và phù hợp với nguyện vọng của cháu Phùng Thị L tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2020.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa anh Phùng Văn T không yêu cầu chị Nông Thị T cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nông Thị T nhất trí với ý kiến của anh Phùng Văn T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Phùng Văn T.

[6] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về vay nợ chung: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thỏa thuận thống nhất giao cho anh Phùng Văn T có trách nhiệm trả nợ món vay mã số 6600000709245363 ngày 28/12/2016 tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan, bao gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ số lãi phát sinh từ khoản vay nêu trên. Tại phiên tòa, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về thỏa thuận nêu trên, vì vậy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14,

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 27, 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phùng Văn T được ly hôn chị Nông Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Phùng Thị L, sinh ngày 29/01/2006 cho anh Phùng Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Phùng Thị L đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu

4. Về vay nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cho anh Phùng Văn T có trách nhiệm trả nợ toàn bộ khoản vay theo mã vay số 6600000709245363 ngày 28/12/2016 tại Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Văn Quan bao gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và toàn bộ số lãi phát sinh từ khoản vay nêu trên cho đến khi trả xong khoản nợ.

5. Về án phí: Anh Phùng Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền trên được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh Phùng Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2012/03934 ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan;
- Chi cục THADS huyện Văn Quan;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Phúc, huyện Văn Quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Thu Hường**





